

KẾ HOẠCH

thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về chiến lược đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh Ninh Bình đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

Thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 30/01/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về chiến lược đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh Ninh Bình đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 06-NQ/TU); Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phải thực sự trở thành đột phá chiến lược hàng đầu, là động lực chính của tăng trưởng, góp phần đưa tỉnh Ninh Bình trở thành trung tâm du lịch - công nghiệp văn hóa - công nghiệp công nghệ cao của vùng Đồng bằng sông Hồng theo Quy hoạch tỉnh. Đồng thời, tạo sự thống nhất trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp theo tinh thần Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị, Chiến lược chuyển đổi số quốc gia và Quy hoạch tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2021-2030.

2. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện của các cấp ủy đảng, sự quản lý, điều hành của chính quyền, phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị và sự tham gia tích cực của doanh nhân, doanh nghiệp, học viện, trường đại học, trung tâm nghiên cứu trên địa bàn tỉnh cùng nhân dân trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Trong đó, người dân và doanh nghiệp là trung tâm, chủ thể, nguồn lực và động lực chính; nhà khoa học là nhân tố then chốt; nhà nước giữ vai trò dẫn dắt, thúc đẩy và tạo điều kiện thuận lợi nhất cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

3. Phát triển hạ tầng, đặc biệt là hạ tầng số và công nghệ số, trên nguyên tắc “hiện đại, đồng bộ, chia sẻ, an ninh, an toàn, hiệu quả, tránh lãng phí”; kết hợp xây dựng cơ sở dữ liệu và thực thi các chính sách phù hợp về nghiên cứu, đầu tư, nhân lực, đào tạo... để bảo đảm đầy đủ các điều kiện cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu đến năm 2030

1.1. Về khoa học

- Thu hút 1-2 trung tâm nghiên cứu và phát triển (R&D) lớn trong và ngoài nước đầu tư vào tỉnh.

- Thu hút 5.000 nhân lực công nghệ số; số người thực hiện công tác nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo là 12 người/1 vạn dân.

- Số lượng nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp tỉnh triển khai mỗi năm ≥ 50 ; số lượng kết quả khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được ứng dụng thực tiễn sau 12 tháng nghiệm thu $\geq 60\%$.

- Số lượng công bố khoa học quốc tế tăng trung bình 10%/năm.

1.2. Về công nghệ

- Đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế ở mức trên 57%.

- Đầu tư xây dựng các phòng thí nghiệm công nghệ hiện đại về AI, IoT, chip bán dẫn và công nghệ sinh học, làm cơ sở phục vụ chiến lược đào tạo nhân lực chất lượng cao; đồng thời thu hút ít nhất 2-3 tổ chức, doanh nghiệp hàng đầu thế giới và Việt Nam đặt trụ sở, chi nhánh, đầu tư nghiên cứu và sản xuất tại tỉnh Ninh Bình.

- Phần đầu có trên 20 sáng chế, giải pháp hữu ích được đăng ký. Số lượng sáng chế, giải pháp hữu ích trên địa bàn tỉnh đạt tối thiểu 05 sáng chế, giải pháp hữu ích/năm; tỷ lệ khai thác thương mại đạt 8-10%. Số lượng văn bằng bảo hộ, nhãn hiệu tăng trung bình 12-15%.

1.3. Về đổi mới sáng tạo

- Hình thành ít nhất 01 khu đổi mới sáng tạo cấp tỉnh.

- Tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo đạt trên 40% trong tổng số doanh nghiệp.

- Phần đầu có trên 150 doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo. Mỗi năm có ít nhất 60 sản phẩm đổi mới sáng tạo được thương mại hóa, 30 dự án đổi mới sáng tạo được hỗ trợ từ ngân sách tỉnh.

- Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII) nằm trong 10 tỉnh, thành phố dẫn đầu trong cả nước.

- Xây dựng và đưa vào vận hành Quỹ đầu tư mạo hiểm của tỉnh.

1.4. Về chuyển đổi số

- Hình thành 5 - 10 doanh nghiệp công nghệ số quy mô vùng.

- 100% dịch vụ công trực tuyến toàn trình.

- Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng nền tảng số $\geq 90\%$.
- Phân đầu đưa tỉnh Ninh Bình vào nhóm 10 tỉnh, thành phố dẫn đầu toàn quốc về chuyển đổi số (DTI).
- Phân đầu 100% địa bàn được phủ sóng 5G và 100% người dân có khả năng truy cập Internet băng thông rộng cố định với tốc độ trên 01 Gb/s, hướng đến ứng dụng công nghệ Internet vệ tinh (Starlink), đảm bảo hạ tầng số đáp ứng yêu cầu vận hành thông minh, hiện đại.
- Xây dựng hạ tầng điện toán đám mây, kho dữ liệu dùng chung, Kho dữ liệu mở. 100% các ban, sở, ngành có cơ sở dữ liệu dùng chung được tích hợp vào nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP).
- Tập trung hoàn thiện Trung tâm điều hành thông minh (IOC) để IOC thực sự là “bộ não số”, hỗ trợ lãnh đạo ra quyết định dựa trên dữ liệu số.
- Phát triển mạnh mẽ kinh tế số, phân đầu kinh tế số đạt quy mô 30% -35% GRDP của tỉnh, đồng thời thúc đẩy hình thành công dân số và xã hội số an toàn, văn minh.
- Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trong giải quyết thủ tục hành chính và dịch vụ công từ 85% trở lên; tỷ lệ giao dịch không dùng tiền mặt từ trên 85%.

2. Tầm nhìn đến năm 2045

Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phát triển nhanh, bền vững; thu hút các tập đoàn công nghệ, doanh nghiệp lớn đầu tư, thành lập các trung tâm nghiên cứu và phát triển (R&D), góp phần đưa Ninh Bình trở thành trung tâm khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Dịch vụ đô thị thông minh được triển khai trong hầu hết các lĩnh vực của đời sống xã hội, góp phần thực hiện mục tiêu đưa Việt Nam trở thành nước phát triển có thu nhập cao vào năm 2045; quy mô kinh tế số đạt tối thiểu 50% GRDP.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CẦN TẬP TRUNG CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN

1. Quán triệt, triển khai thực hiện hiệu quả các chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

1.1. Các cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên nhận thức đầy đủ tầm quan trọng, quán triệt sâu sắc các quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; trên cơ sở đó xác định rõ trách nhiệm và chủ động tổ chức triển khai thực hiện.

- *Cơ quan chủ trì*: Các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị, địa phương.
- *Cơ quan phối hợp*: Các cơ quan tham mưu, giúp việc đảng ủy các cơ quan, đơn vị, địa phương.
- *Thời gian thực hiện*: Thường xuyên.

1.2. Người đứng đầu cấp ủy cơ quan, tổ chức, địa phương, đơn vị phải trực tiếp phụ trách, chỉ đạo triển khai; đưa nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số vào chương trình, kế hoạch công tác hằng năm và chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp tại cơ quan, đơn vị, địa phương mình. Đồng thời, tích cực đặt hàng các nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, cải cách hành chính và giải quyết các vấn đề thực tiễn tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương. Kết quả thực hiện là một trong những tiêu chí cơ bản để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ, thi đua, khen thưởng hằng năm.

- *Cơ quan chủ trì*: Các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị, địa phương.

- *Cơ quan phối hợp*: Các cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị, địa phương

- *Thời gian thực hiện*: Thường xuyên.

1.3. Xây dựng và triển khai kế hoạch truyền thông nhằm nâng cao nhận thức, tạo sự đồng thuận và quyết tâm phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và thực hiện chuyển đổi số trong toàn hệ thống chính trị, người dân và doanh nghiệp. Đa dạng hóa các hình thức truyền thông thông qua báo chí, phát thanh, truyền hình; cổng thông tin điện tử, các nền tảng số, mạng xã hội và các phương tiện điện tử khác. Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội của tỉnh chỉ đạo, tổ chức các đợt tuyên truyền về lợi ích của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số thông qua các phương tiện truyền thông, hội nghị, sinh hoạt cộng đồng, góp phần giúp người dân và doanh nghiệp hiểu rõ hơn mục tiêu, ý nghĩa và nội dung các nghị quyết liên quan.

- *Cơ quan chủ trì*: Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh.

- *Cơ quan phối hợp*: Các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị, địa phương.

- *Thời gian thực hiện*: Thường xuyên.

1.4. Triển khai sâu rộng phong trào “Bình dân học vụ số”, phong trào thi đua về sáng kiến, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Chú trọng kịp thời biểu dương, tôn vinh, khen thưởng bằng nhiều hình thức phù hợp, đa dạng nhằm khích lệ, động viên các nhà khoa học, nhà sáng chế, doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân có thành tích trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- *Cơ quan chủ trì*: Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh.

- *Cơ quan phối hợp*: Các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị, địa phương.

- *Thời gian thực hiện*: Thường xuyên.

2. Hoàn thiện thể chế, chính sách tạo đột phá, đảm bảo nguồn lực

2.1. Xây dựng và triển khai hiệu quả Đề án chuyên đổi số, góp phần thúc đẩy và tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2045.

- *Cơ quan chủ trì:* Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh.

- *Cơ quan phối hợp:* Các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị, địa phương.

- *Thời gian thực hiện:* Hoàn thành ban hành Đề án và tổ chức triển khai thực hiện từ năm 2026.

2.2. Kịp thời cụ thể hóa, triển khai các quy định pháp luật về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số thuộc thẩm quyền của tỉnh ngay sau khi Trung ương hoàn thiện thể chế theo tinh thần Nghị quyết số 57-NQ/TW. Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo khẩn trương nghiên cứu, rà soát, ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành các cơ chế, chính sách của tỉnh trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; trong đó chú trọng các chính sách đột phá thu hút nhân tài, bảo vệ cán bộ dám nghĩ, dám làm; kịp thời tháo gỡ các điểm nghẽn, thúc đẩy tiến độ thực hiện các nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của tỉnh.

- *Cơ quan chủ trì:* Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh.

- *Cơ quan phối hợp:* Các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị, địa phương.

- *Thời gian thực hiện:* Thường xuyên, ngay khi có các quy định của Trung ương.

2.3. Nghiên cứu triển khai khu chức năng công nghiệp công nghệ số và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh; trong đó chú trọng hoạt động nghiên cứu, phát triển, chuyển giao công nghệ và thử nghiệm có kiểm soát đối với các ngành, lĩnh vực ưu tiên phát triển của tỉnh.

- *Cơ quan chủ trì:* Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh.

- *Cơ quan phối hợp:* Các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị, địa phương.

- *Thời gian thực hiện:* 2026-2030.

2.4. Rà soát, đánh giá và bổ sung các chính sách hỗ trợ đổi mới công nghệ, chuyển giao công nghệ và đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp; đồng thời hoàn thiện chính sách hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp của Ninh Bình trong việc tiếp cận các thị trường trong và ngoài nước.

- *Cơ quan chủ trì:* Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh.

- *Cơ quan phối hợp:* Các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị, địa phương.

- *Thời gian thực hiện:* 2026 - 2027

2.5. Vận dụng sáng tạo, cho phép thí điểm đối với những vấn đề thực tiễn mới phát sinh nhằm khuyến khích đổi mới sáng tạo và thu hút chuyên gia, nhà khoa học, người có tài năng đến với Ninh Bình. Chấp nhận rủi ro, đầu tư mạo hiểm và độ trễ

trong nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo. Triển khai hiệu quả cơ chế thử nghiệm có kiểm soát (sandbox) đối với các giải pháp công nghệ mới; nghiên cứu ưu tiên một số lĩnh vực như blockchain, công nghệ tài chính, trí tuệ nhân tạo, robot và tự động hóa, tài sản số, xe tự hành, thiết bị bay không người lái và thể thao điện tử, phù hợp với nhu cầu, định hướng phát triển và khả năng quản lý, kiểm soát của tỉnh.

- *Cơ quan chủ trì:* Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh.
- *Cơ quan phối hợp:* Các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị, địa phương.
- *Thời gian thực hiện:* giai đoạn 2026-2030.

2.6. Nghiên cứu thành lập Quỹ phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; Quỹ đầu tư mạo hiểm tỉnh Ninh Bình nhằm tạo nguồn vốn khởi đầu cho các dự án khởi nghiệp sáng tạo. Thiết lập cơ chế đồng đầu tư với các quỹ tư nhân để dẫn dắt nguồn lực xã hội vào các doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp khoa học và công nghệ và các lĩnh vực ưu tiên. Nghiên cứu cơ chế tuyển dụng chuyên gia quản lý quỹ có kinh nghiệm thực tiễn; bảo đảm Quỹ vận hành theo nguyên tắc thị trường, có tính độc lập cao trong thẩm định và quyết định đầu tư, tách biệt với các quy trình hành chính thông thường.

- *Cơ quan chủ trì:* Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh.
- *Cơ quan phối hợp:* Các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị, địa phương.
- *Thời gian thực hiện:* Giai đoạn 2026 - 2030.

2.7. Ưu tiên bố trí kinh phí và tổ chức triển khai hiệu quả các cơ chế, chính sách hiện hành về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, đặc biệt là các cơ chế, chính sách phát triển vi mạch bán dẫn, trí tuệ nhân tạo; hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và phát triển tài sản trí tuệ.

- *Cơ quan chủ trì:* Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh.
- *Cơ quan phối hợp:* Các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị, địa phương.
- *Thời gian thực hiện:* Hằng năm.

2.8. Thu hút và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực đầu tư cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh. Cơ cấu lại chi ngân sách sự nghiệp khoa học, công nghệ và chuyển đổi số bảo đảm có trọng tâm, trọng điểm, tránh dàn trải. Bố trí kinh phí để quản lý, khai thác và sử dụng hiệu quả các sản phẩm, tài sản hình thành từ các nhiệm vụ khoa học và công nghệ do ngân sách nhà nước đầu tư.

- *Cơ quan chủ trì:* Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh.
- *Cơ quan phối hợp:* Các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị, địa phương.
- *Thời gian thực hiện:* Hằng năm.

2.9. Rà soát các quy định pháp luật về nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; hoàn thiện, đổi mới phương thức quản lý trong triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ phù hợp với từng loại hình nghiên cứu. Đổi mới cơ chế quản lý tài chính trong thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; đơn giản hóa tối đa thủ tục hành chính; thực hiện giao quyền tự chủ trong sử dụng kinh phí nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ.

- *Cơ quan chủ trì:* Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh.
- *Cơ quan phối hợp:* Các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị, địa phương.
- *Thời gian thực hiện:* Hằng năm.

3. Phát triển hạ tầng số, ứng dụng, dịch vụ số

3.1. Phổ cập Internet băng thông rộng, siêu rộng đến các hộ gia đình, bảo đảm 100% hộ gia đình có khả năng truy cập Internet cáp quang cố định và Internet di động với tốc độ từ 1Gbps trở lên. Phủ sóng mạng băng rộng di động 5G đạt 99% dân số toàn tỉnh; phát triển dịch vụ mạng di động 5G dùng riêng cho khu vực hành chính công, các khu công nghệ thông tin tập trung, khu công nghệ cao và các khu, cụm công nghiệp. Xây dựng hạ tầng bảo đảm năng lực phục vụ sản xuất thông minh, sẵn sàng thử nghiệm và ứng dụng các công nghệ mới như mạng di động 6G, Open RAN và mô hình dữ liệu mở.

- *Cơ quan chủ trì:* Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh.
- *Cơ quan phối hợp:* Các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị, địa phương.
- *Thời gian thực hiện:* Giai đoạn 2026-2030.

3.2. Phát triển hạ tầng vật lý số, hạ tầng tiện ích số; tích hợp cảm biến và ứng dụng công nghệ số vào các hạ tầng thiết yếu. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ IoT trong các lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp, tại các khu, cụm công nghiệp, khu công nghệ thông tin và các khu đô thị.

- *Cơ quan chủ trì:* Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh.
- *Cơ quan phối hợp:* Các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị, địa phương.
- *Thời gian thực hiện:* 2026-2030.

3.3. Đầu tư, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin - truyền thông phục vụ chính quyền số, bao gồm: Trung tâm giám sát, điều hành thông minh tỉnh; Trung tâm dữ liệu tỉnh; hệ thống thiết bị đầu cuối và mạng nội bộ các cơ quan (mạng LAN); Hệ thống giám sát an toàn thông tin (SOC) và các hạ tầng, nền tảng liên quan khác.

- *Cơ quan chủ trì:* Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh.
- *Cơ quan phối hợp:* Các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị, địa phương.
- *Thời gian thực hiện:* Hoàn thành trước tháng 12/2026.

3.4. Thu hút đầu tư phát triển hệ thống điện sạch, ổn định (điện khí, điện gió, điện mặt trời...) nhằm bảo đảm cung ứng năng lượng phục vụ đầu tư, vận hành trung tâm dữ liệu và nhà máy trí tuệ nhân tạo.

- *Cơ quan chủ trì:* Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh.
- *Cơ quan phối hợp:* Các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị, địa phương.
- *Thời gian thực hiện:* 2026-2030.

3.5. Triển khai chính sách huy động doanh nghiệp tham gia đầu tư hạ tầng số (khu công nghệ thông tin, trung tâm dữ liệu, hệ thống tính toán hiệu năng cao, mạng kết nối IoT, nhà máy trí tuệ nhân tạo). Khuyến khích doanh nghiệp tham gia đào tạo, phát triển nguồn nhân lực công nghệ số và triển khai các mô hình, lĩnh vực mới phục vụ phát triển kinh tế số.

- *Cơ quan chủ trì:* Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh.
- *Cơ quan phối hợp:* Các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị, địa phương.
- *Thời gian thực hiện:* Hằng năm.

3.6. Xây dựng, triển khai trung tâm dữ liệu và hệ thống tính toán hiệu năng cao tại tỉnh, đáp ứng yêu cầu phát triển đột phá về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- *Cơ quan chủ trì:* Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh.
- *Cơ quan phối hợp:* Các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị, địa phương.
- *Thời gian thực hiện:* 2026-2030.

4. Phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, hỗ trợ nghiên cứu và phát triển, đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ

4.1. Nghiên cứu, ban hành các cơ chế, chính sách đặc thù, thí điểm với các ưu đãi vượt trội về vốn, tài chính (thuế, tín dụng), đất đai và đào tạo nhằm hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo và doanh nghiệp đổi mới sáng tạo.

- *Cơ quan chủ trì:* Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh.
- *Cơ quan phối hợp:* Các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị, địa phương.
- *Thời gian thực hiện:* Năm 2026 và những năm tiếp theo.

4.2. Xây dựng và đẩy mạnh quảng bá thương hiệu “Ninh Bình - Trung tâm đổi mới sáng tạo”, trở thành điểm đến hấp dẫn về khởi nghiệp, ứng dụng công nghệ và đổi mới sáng tạo. Tăng cường truyền thông về các thành tựu, kết quả nghiên cứu khoa học và các mô hình khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo tiêu biểu. Triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm nâng cao thứ hạng Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII) của tỉnh.

- *Cơ quan chủ trì:* Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh.
- *Cơ quan phối hợp:* Các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị, địa phương.
- *Thời gian thực hiện:* Hằng năm.

4.3. Xây dựng danh mục các công trình, dự án, nhiệm vụ cần tập trung đầu tư hằng năm trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

Đầu tư phát triển tài sản kết cấu hạ tầng khoa học và công nghệ; tập trung xây dựng “Không gian đổi mới sáng tạo Ninh Bình” nhằm thu hút các quỹ đầu tư, vườn ươm, trung tâm hỗ trợ và các dự án, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo. Đồng thời, đầu tư hạ tầng, trang thiết bị đồng bộ, hiện đại cho các đơn vị sự nghiệp khoa học và công nghệ công lập.

- *Cơ quan chủ trì:* Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh.

- *Cơ quan phối hợp:* Các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị, địa phương.

- *Thời gian thực hiện:* Đề xuất và triển khai các nhiệm vụ, chương trình, dự án, đề án trong giai đoạn 2026-2030.

4.4. Xây dựng và triển khai hiệu quả Đề án phát triển các tổ chức khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026–2030, định hướng đến năm 2045.

- *Cơ quan chủ trì:* Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh.

- *Cơ quan phối hợp:* Các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị, địa phương.

- *Thời gian thực hiện:* Hoàn thành ban hành Đề án và tổ chức triển khai thực hiện từ năm 2027.

4.5. Thành lập Trung tâm Đổi mới sáng tạo tỉnh Ninh Bình làm đầu mối tiếp nhận, điều phối giải quyết các “bài toán” phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh thông qua các giải pháp đổi mới sáng tạo; vận hành hệ sinh thái khởi nghiệp, kết nối nguồn lực giữa Nhà nước - nhà trường - nhà khoa học - doanh nghiệp - cộng đồng. Thực hiện ươm tạo, hỗ trợ thương mại hóa kết quả nghiên cứu và phát triển (R&D); nghiên cứu hình thành Quỹ đầu tư mạo hiểm nhằm khơi thông nguồn vốn cho khởi nghiệp; phát triển mạng lưới các tổ hợp vệ tinh (hub) tại cơ sở, kết nối đồng bộ với hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia và quốc tế.

- *Cơ quan chủ trì:* Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh.

- *Cơ quan phối hợp:* Các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị, địa phương.

- *Thời gian thực hiện:* Giai đoạn 2026 - 2030.

4.6. Ưu tiên bố trí địa điểm trong các cụm công nghiệp, khu công nghiệp, khu công nghệ cao và Khu Đại học Nam Cao cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp khoa học và công nghệ, các trung tâm nghiên cứu và tổ chức khoa học và công nghệ. Thiết lập các khu tập trung phục vụ hoạt động nghiên cứu, sản xuất của các doanh nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ.

- *Cơ quan chủ trì:* Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh.

- *Cơ quan phối hợp:* Các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị, địa phương.

- *Thời gian thực hiện:* Hằng năm.

4.7. Tạo điều kiện kết nối viện - trường - doanh nghiệp; thúc đẩy nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao công nghệ phục vụ sản xuất và đời sống. Hỗ trợ hình thành, phát triển hệ sinh thái các viện nghiên cứu, trường đại học có thế mạnh về nghiên

cứu; ưu tiên phát triển Khu Đại học Nam Cao, Trường Đại học Hoa Lư, Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật và các cơ sở giáo dục đại học khác gắn với kết nối doanh nghiệp. Xây dựng cơ chế huy động nguồn kinh phí đối ứng, gắn kết quả nghiên cứu với thực tiễn sản xuất và đời sống.

- *Cơ quan chủ trì*: Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh.

- *Cơ quan phối hợp*: Các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị, địa phương.

- *Thời gian thực hiện*: Năm 2026 xây dựng các chương trình hợp tác; triển khai Chương trình hợp tác sau khi được ký kết.

4.8. Kết nối các quỹ đầu tư, nhà đầu tư thiên thần và cộng đồng cố vấn hỗ trợ các dự án khởi nghiệp trên địa bàn tỉnh. Xây dựng mạng lưới cơ sở dữ liệu chuyên gia, nhà khoa học, trong đó chú trọng người Việt Nam ở nước ngoài và con em quê hương Ninh Bình; tăng cường ký kết hợp tác với các trường đại học, viện nghiên cứu, hiệp hội, tập đoàn công nghệ uy tín trong nước và quốc tế; đặt hàng chuyên gia, nhà khoa học tham gia tư vấn, giải quyết các “bài toán” lớn của tỉnh.

- *Cơ quan chủ trì*: Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh.

- *Cơ quan phối hợp*: Các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị, địa phương.

- *Thời gian thực hiện*: Thường xuyên.

4.9. Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, hình thành các sáng chế, giải pháp hữu ích và kết quả nghiên cứu có khả năng thương mại hóa. Khuyến khích, hỗ trợ hình thành các dự án, doanh nghiệp khởi nghiệp từ các kết quả nghiên cứu của các viện, trường đại học trên địa bàn tỉnh.

- *Cơ quan chủ trì*: Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh.

- *Cơ quan phối hợp*: Các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị, địa phương.

- *Thời gian thực hiện*: Thường xuyên.

4.10. Ưu tiên bố trí kinh phí và tăng dần theo nhu cầu để triển khai đồng bộ, hiệu quả các chính sách ưu đãi, khuyến khích doanh nghiệp đầu tư cho nghiên cứu, ứng dụng khoa học và đổi mới công nghệ. Tạo điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp công nghệ, startup tiếp cận đất đai, vốn, nhân lực. Triển khai đánh giá trình độ, năng lực công nghệ của doanh nghiệp; hỗ trợ tìm kiếm, chuyển giao, ứng dụng và đổi mới công nghệ.

- *Cơ quan chủ trì*: Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh.

- *Cơ quan phối hợp*: Các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị, địa phương.

- *Thời gian thực hiện*: Thường xuyên.

5. Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao

5.1. Xây dựng và triển khai chính sách thu hút, trọng dụng nhà khoa học, chuyên gia, nhân tài phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; tăng cường nguồn

nhân lực cho lĩnh vực khoa học, công nghệ và chuyển đổi số, góp phần thu hút đầu tư và phát triển kinh tế số. Triển khai cơ chế ký kết hợp đồng để thu hút chuyên gia, nhà khoa học, nhà quản lý có trình độ cao tham gia thực hiện các nhiệm vụ chiến lược, đột xuất, cấp bách và các nhiệm vụ chuyên môn sâu trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- *Cơ quan chủ trì:* Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh.

- *Cơ quan phối hợp:* Các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị, địa phương.

- *Thời gian thực hiện:* Đề xuất và triển khai các cơ chế, chính sách thu hút chuyên gia, nhà khoa học, nhân lực chất lượng cao từ năm 2026.

5.2. Xây dựng và triển khai kế hoạch phát triển nguồn nhân lực phục vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; ưu tiên các chương trình đào tạo chuyên sâu về vi mạch bán dẫn, trí tuệ nhân tạo và các lĩnh vực tinh có tiềm năng phát triển.

- *Cơ quan chủ trì:* Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh.

- *Cơ quan phối hợp:* Các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị, địa phương.

- *Thời gian thực hiện:* Thường xuyên.

5.3. Xây dựng và triển khai hiệu quả Đề án phát triển nguồn nhân lực khoa học và công nghệ của tỉnh giai đoạn 2026 - 2030, định hướng đến năm 2045.

- *Cơ quan chủ trì:* Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh.

- *Cơ quan phối hợp:* Các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị, địa phương.

- *Thời gian thực hiện:* Hoàn thành ban hành Đề án và tổ chức triển khai thực hiện từ năm 2026.

5.4. Tăng cường phối hợp với các trường đại học, viện nghiên cứu để xây dựng, bổ sung nội dung, chương trình đào tạo về đổi mới sáng tạo theo hướng toàn diện, đa ngành, đa lĩnh vực; trong đó chú trọng đào tạo chuyên sâu về vi mạch bán dẫn, trí tuệ nhân tạo. Triển khai đồng bộ các giải pháp tăng cường giáo dục và hướng nghiệp STEM. Xây dựng văn hóa khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo trong nhà trường; lồng ghép nội dung khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo vào chương trình hướng nghiệp và giảng dạy tại các cơ sở giáo dục.

- *Cơ quan chủ trì:* Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh.

- *Cơ quan phối hợp:* Các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị, địa phương.

- *Thời gian thực hiện:* Hằng năm.

5.5. Thúc đẩy, hỗ trợ các chương trình ươm tạo dự án khởi nghiệp; các chương trình huấn luyện, đào tạo chuyên gia, cố vấn về khởi nghiệp. Đẩy mạnh đào tạo nhân lực số, phân đầu đào tạo 50.000 lao động số trong các lĩnh vực như trí tuệ nhân tạo (AI), công nghiệp bán dẫn...; đồng thời đào tạo về quản lý, khai thác, phát triển tài sản trí tuệ tại các trường đại học. Tổ chức các chương trình, hội nghị tập huấn, đào

tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao năng lực, kiến thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số cho cán bộ, công chức, viên chức, giảng viên, nhà khoa học.

- *Cơ quan chủ trì:* Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh.
- *Cơ quan phối hợp:* Các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị, địa phương.
- *Thời gian thực hiện:* Hằng năm.

6. Đẩy mạnh chuyển đổi số, kinh tế số

6.1. Hỗ trợ doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh tiếp cận, ứng dụng các giải pháp số trong quản lý, marketing, vận hành, kế toán, thanh toán không dùng tiền mặt và thương mại điện tử.

- *Cơ quan chủ trì:* Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh.
- *Cơ quan phối hợp:* Các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị, địa phương.
- *Thời gian thực hiện:* Thường xuyên.

6.2. Khuyến khích, hỗ trợ hình thành và phát triển một số doanh nghiệp công nghệ số có năng lực tham gia giải quyết các “bài toán” của các cơ quan trong hệ thống chính trị của tỉnh, đóng vai trò dẫn dắt chuyển đổi số, có khả năng cạnh tranh trong nước và quốc tế. Triển khai đổi mới công nghệ, thúc đẩy sử dụng các nền tảng số trong doanh nghiệp, hộ kinh doanh; phát triển thanh toán không dùng tiền mặt trong giao dịch, thương mại điện tử; từng bước hình thành nhà máy thông minh, ứng dụng robot hóa trong sản xuất.

- *Cơ quan chủ trì:* Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh.
- *Cơ quan phối hợp:* Các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị, địa phương.
- *Thời gian thực hiện:* Hoàn thành ban hành danh mục các “bài toán” cần giải quyết bằng công nghệ trên địa bàn tỉnh trước tháng 12/2026 để đặt hàng cho doanh nghiệp tham gia thực hiện; hỗ trợ 01 doanh nghiệp công nghệ số có đủ năng lực cạnh tranh trong nước và quốc tế.

6.3. Triển khai công nghệ số, phát triển kinh tế số tại các khu công nghiệp, khu công nghệ thông tin tập trung, khu kinh tế, khu công nghệ cao và Khu Đại học Nam Cao trên địa bàn tỉnh.

- *Cơ quan chủ trì:* Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh.
- *Cơ quan phối hợp:* Các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị, địa phương.
- *Thời gian thực hiện:* Triển khai và đưa vào sử dụng bản đồ số, mô hình BIM tại Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh trong giai đoạn 2026-2027; đồng thời triển khai các mô hình công nghệ số, hướng dẫn doanh nghiệp ứng dụng công nghệ số, phát triển kinh tế số.

6.4. Triển khai thu hút các doanh nghiệp công nghệ hàng đầu thế giới và khu vực đến đặt trụ sở, đầu tư nghiên cứu, sản xuất và làm việc tại tỉnh Ninh Bình.

- *Cơ quan chủ trì:* Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh.
- *Cơ quan phối hợp:* Các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị, địa phương.
- *Thời gian thực hiện:* Giai đoạn năm 2026-2030, phân đầu thu hút một số doanh nghiệp lớn đặt trụ sở nghiên cứu, sản xuất tại tỉnh.

6.5. Xây dựng thương hiệu số cho các sản phẩm chủ lực; áp dụng công nghệ truy xuất nguồn gốc, IoT, blockchain trong sản xuất nông nghiệp và chế biến. Ưu tiên đặt hàng, giao nhiệm vụ cho doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp công nghệ số của địa phương, thực hiện các nhiệm vụ trọng điểm về chuyển đổi số.

- *Cơ quan chủ trì:* Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh.
- *Cơ quan phối hợp:* Các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị, địa phương.
- *Thời gian thực hiện:* Thường xuyên.

6.6. Phát triển công nghiệp nội dung số, tập trung vào các lĩnh vực di tích, di sản, văn hóa, dữ liệu di sản và du lịch thông minh.

- *Cơ quan chủ trì:* Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh.
- *Cơ quan phối hợp:* Các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị, địa phương.
- *Thời gian thực hiện:* 2026-2030.

7. Đẩy mạnh hợp tác, liên kết vùng, quốc tế

7.1. Tập trung đẩy mạnh hợp tác nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và chuyển đổi số với các đối tác trong và ngoài nước trong các lĩnh vực thế mạnh, ưu tiên phát triển của tỉnh; trọng tâm là trí tuệ nhân tạo, công nghệ sinh học, công nghệ lượng tử, vi mạch bán dẫn, năng lượng nguyên tử và các công nghệ chiến lược khác.

- *Cơ quan chủ trì:* Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh.
- *Cơ quan phối hợp:* Các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị, địa phương.
- *Thời gian thực hiện:* Thường xuyên.

7.2. Nghiên cứu xây dựng cơ chế liên kết, hợp tác hoặc thuê, sử dụng chung không gian đổi mới sáng tạo tại các quốc gia có hệ sinh thái phát triển nhằm kết nối tri thức và thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao. Đồng thời, ưu tiên ban hành các chính sách đột phá theo hướng đơn giản hóa thủ tục, tăng cường hỗ trợ pháp lý và tài chính, tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức và quỹ đầu tư quốc tế đặt văn phòng đại diện tại Ninh Bình.

- *Cơ quan chủ trì:* Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh.
- *Cơ quan phối hợp:* Các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị, địa phương.
- *Thời gian thực hiện:* Thường xuyên.

7.3. Tăng cường hợp tác trong và ngoài nước trong việc triển khai các hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của tỉnh như tổ chức

các sự kiện quốc tế, hội nghị - hội thảo khoa học, triển lãm, trình diễn công nghệ, diễn đàn kết nối đầu tư.

- *Cơ quan chủ trì*: Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh.

- *Cơ quan phối hợp*: Các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị, địa phương.

- *Thời gian thực hiện*: Thường xuyên.

IV. CÁC CHƯƠNG TRÌNH TRỌNG ĐIỂM

1. Chương trình phát triển Ninh Bình thành trung tâm đổi mới sáng tạo vùng

- *Mục tiêu*: Đưa khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyên đổi số trở thành động lực tăng trưởng chủ đạo; hình thành hệ sinh thái đổi mới sáng tạo đồng bộ, có liên kết vùng và quốc gia; thu hút doanh nghiệp công nghệ, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo và các tổ chức nghiên cứu đến hoạt động tại Ninh Bình.

- *Định hướng nhóm các nhiệm vụ chính*: Phát triển hạ tầng và không gian đổi mới sáng tạo tại Ninh Bình; phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; thu hút doanh nghiệp công nghệ và nguồn nhân lực chất lượng cao; phát triển nguồn nhân lực phục vụ đổi mới sáng tạo; thúc đẩy chuyên đổi số và đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp; tăng cường liên kết vùng và hợp tác quốc tế.

- *Kết quả cần đạt được*: Đưa Ninh Bình trở thành trung tâm đổi mới sáng tạo của vùng; hình thành hệ sinh thái đổi mới sáng tạo hoàn chỉnh; thu hút các doanh nghiệp công nghệ lớn và trung tâm nghiên cứu và phát triển (R&D) đặt trụ sở tại Ninh Bình; nâng cao tỷ trọng đóng góp của kinh tế số trong GRDP.

- *Cơ quan chủ trì*: Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh.

- *Cơ quan phối hợp*: Đảng ủy Sở Khoa học và Công nghệ, các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị, địa phương.

- *Thời gian thực hiện*: 2026 - 2030.

2. Chương trình chuyển đổi số toàn diện chính quyền

- *Mục tiêu*: Xây dựng chính quyền số tỉnh Ninh Bình hiện đại, minh bạch, hoạt động dựa trên dữ liệu; nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp theo hướng “không giấy tờ - không tiếp xúc - mọi lúc, mọi nơi”; nâng cao hiệu quả điều hành, giảm chi phí xã hội.

- *Định hướng nhóm các nhiệm vụ chính*: Phát triển hạ tầng số và các nền tảng dùng chung; xây dựng, khai thác dữ liệu số; phát triển dịch vụ công trực tuyến và nền hành chính số; phát triển hệ thống điều hành thông minh; phát triển nguồn nhân lực số trong khu vực công; bảo đảm an toàn, an ninh mạng.

- *Kết quả cần đạt được*: Chỉ số chuyển đổi số (DTI) của tỉnh thuộc nhóm dẫn đầu cả nước; 100% thủ tục hành chính được thực hiện trực tuyến toàn trình; 100% hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường số; dữ liệu được kết nối, chia sẻ thông suốt giữa các cơ quan.

- *Cơ quan chủ trì:* Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh.
- *Cơ quan phối hợp:* Đảng ủy Sở Khoa học và Công nghệ, các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị, địa phương.
- *Thời gian thực hiện:* 2026 - 2030.

3. Chương trình phát triển công nghiệp công nghệ cao

- *Mục tiêu:* Phát triển công nghiệp công nghệ cao trở thành động lực tăng trưởng chủ đạo; hình thành các cụm, nhóm ngành công nghiệp có hàm lượng công nghệ và giá trị gia tăng cao; thu hút các tập đoàn công nghệ lớn, trung tâm nghiên cứu và phát triển (R&D) và chuỗi sản xuất hiện đại tại Ninh Bình.

- *Định hướng nhóm các nhiệm vụ chính:* Lựa chọn và phát triển các ngành công nghiệp công nghệ cao, ưu tiên tập trung nguồn lực vào các ngành có lợi thế cạnh tranh và khả năng bứt phá như công nghiệp điện tử - bán dẫn, công nghệ thông tin và phần mềm, công nghiệp vật liệu mới, công nghệ sinh học (nông nghiệp, y dược), công nghiệp chế tạo thông minh và công nghệ xanh; phát triển hạ tầng, thu hút đầu tư xây dựng các khu, cụm công nghiệp công nghệ cao; thu hút doanh nghiệp đầu tư công nghệ cao và doanh nghiệp dẫn dắt; hình thành các “hạt nhân” là các tập đoàn kinh tế lớn để dẫn dắt, lan tỏa phát triển hệ sinh thái công nghiệp phụ trợ; phát triển doanh nghiệp trong nước và công nghiệp hỗ trợ; phát triển nguồn nhân lực công nghệ cao; thúc đẩy nghiên cứu, đổi mới và chuyển giao công nghệ cao trong lĩnh vực công nghiệp (nhà máy thông minh, tự động hóa); tăng cường liên kết vùng và hội nhập quốc tế, gắn kết doanh nghiệp trong tỉnh với các trung tâm công nghiệp lớn trong vùng và quốc tế.

- *Kết quả cần đạt được:* Công nghiệp công nghệ cao chiếm tỷ trọng lớn trong GRDP; hình thành thêm từ 01 đến 02 khu, cụm công nghiệp công nghệ cao quy mô vùng; thu hút các tập đoàn công nghệ lớn và hệ sinh thái doanh nghiệp phụ trợ; nâng cao năng lực công nghệ và đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp địa phương.

- *Cơ quan chủ trì:* Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh.
- *Cơ quan phối hợp:* Đảng ủy Sở Công Thương, các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị, địa phương.
- *Thời gian thực hiện:* 2026 - 2030.

4. Chương trình chuyển đổi số ngành du lịch

- *Mục tiêu:* Xây dựng hệ sinh thái du lịch thông minh, nâng cao trải nghiệm du khách; số hóa toàn diện hoạt động quản lý, xúc tiến và kinh doanh du lịch; tăng năng lực cạnh tranh, kéo dài thời gian lưu trú và gia tăng chi tiêu của du khách.

- *Định hướng nhóm các nhiệm vụ chính:* Phát triển hạ tầng số tại các điểm du lịch; xây dựng nền tảng du lịch thông minh, hình thành hệ sinh thái số phục vụ du khách và công tác quản lý; số hóa tài nguyên và sản phẩm du lịch; phát triển dịch vụ du lịch số và thương mại điện tử; ứng dụng dữ liệu và công nghệ trong quản lý du

lịch; phát triển nguồn nhân lực du lịch số; đẩy mạnh xúc tiến, quảng bá du lịch số, nâng cao mức độ nhận diện điểm đến trên môi trường số.

- *Kết quả cần đạt được*: Nâng cao năng lực cạnh tranh, đưa Ninh Bình trở thành điểm đến du lịch thông minh hàng đầu; hình thành hệ sinh thái du lịch thông minh đồng bộ; 100% điểm du lịch trọng điểm được số hóa và kết nối số; 100% giao dịch du lịch được thực hiện trực tuyến, không tiền mặt.

- *Cơ quan chủ trì*: Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh.

- *Cơ quan phối hợp*: Đảng ủy Sở Du lịch, các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị, địa phương.

- *Thời gian thực hiện*: 2026 - 2030.

5. Chương trình phát triển nông nghiệp công nghệ cao

- *Mục tiêu*: Phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị gia tăng của sản phẩm nông nghiệp; hình thành các vùng sản xuất tập trung, ứng dụng công nghệ cao và các công nghệ tiên tiến, an toàn; gắn sản xuất nông nghiệp với chế biến, tiêu thụ và phát triển du lịch.

- *Định hướng nhóm các nhiệm vụ chính*: Tập trung quy hoạch và phát triển các vùng nông nghiệp công nghệ cao; đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số trong nông nghiệp; thu hút, phát triển doanh nghiệp nông nghiệp công nghệ cao và hợp tác xã ứng dụng công nghệ cao; phát triển chuỗi giá trị gắn với công nghiệp chế biến sâu các sản phẩm nông sản; xây dựng thương hiệu, xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường và phát triển hệ thống phân phối hiện đại, thúc đẩy xuất khẩu nông sản của tỉnh Ninh Bình; phát triển nguồn nhân lực nông nghiệp công nghệ cao; phát triển nông nghiệp xanh, bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu.

- *Kết quả cần đạt được*: Hình thành từ 01 đến 02 vùng nông nghiệp công nghệ cao quy mô lớn; tỷ trọng sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tăng; nâng cao thu nhập của người dân nông thôn; xây dựng thương hiệu nông sản Ninh Bình có sức cạnh tranh cao trong và ngoài nước.

- *Cơ quan chủ trì*: Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh.

- *Cơ quan phối hợp*: Đảng ủy Sở Nông nghiệp và Môi trường, các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị, địa phương.

- *Thời gian thực hiện*: 2026 - 2030.

6. Chương trình phát triển logistics và hạ tầng hỗ trợ

- *Mục tiêu*: Phát triển hệ thống logistics hiện đại, đồng bộ, giảm chi phí vận chuyển và lưu thông hàng hóa; tăng cường kết nối Ninh Bình với các trung tâm kinh tế lớn và chuỗi cung ứng quốc gia, quốc tế; hỗ trợ phát triển công nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp công nghệ cao và du lịch.

- *Định hướng nhóm các nhiệm vụ chính*: Quy hoạch và phát triển hệ thống logistics phục vụ các ngành kinh tế chủ lực; phát triển hạ tầng giao thông kết nối đa

phương thức; phát triển trung tâm logistics và kho bãi hiện đại, hình thành các trung tâm trung chuyên, cửa ngõ giao thương của miền Bắc; ứng dụng công nghệ và chuyển đổi số trong logistics, phát triển doanh nghiệp logistics công nghệ cao; phát triển nguồn nhân lực logistics chất lượng cao.

- *Kết quả cần đạt được*: Hình thành từ 01 đến 02 trung tâm logistics quy mô cấp vùng; giảm chi phí logistics cho doanh nghiệp; nâng cao năng lực cạnh tranh của các ngành kinh tế; đưa Ninh Bình trở thành điểm trung chuyển hàng hóa quan trọng trong khu vực; thu hút doanh nghiệp đầu tư, triển khai các dự án xây dựng trung tâm logistics tổng hợp (kho, phân phối, trung chuyên), phát triển kho lạnh, kho thông minh phục vụ nông sản; ứng dụng tự động hóa trong vận hành hệ thống kho và logistics.

- *Cơ quan chủ trì*: Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh.

- *Cơ quan phối hợp*: Đảng ủy Sở Xây dựng, các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị, địa phương.

- *Thời gian thực hiện*: 2026 - 2030.

7. Chương trình phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đào tạo nhân lực số

- *Mục tiêu*: Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số và phát triển kinh tế tri thức; hình thành đội ngũ chuyên gia, kỹ sư, nhà quản lý có năng lực trong các lĩnh vực ưu tiên; nâng cao chất lượng lao động, tạo lợi thế cạnh tranh trong thu hút đầu tư.

- *Định hướng nhóm các nhiệm vụ chính*: Quy hoạch phát triển nguồn nhân lực, xác định nhu cầu nhân lực trong các ngành, lĩnh vực phù hợp với định hướng phát triển kinh tế; nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, đổi mới chương trình theo hướng gắn với thực tiễn, phát triển kỹ năng số, nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp; tăng cường liên kết đào tạo với doanh nghiệp và thị trường lao động, đẩy mạnh thực tập, đào tạo tại doanh nghiệp; thu hút, phát triển nguồn nhân lực trong các lĩnh vực ưu tiên, lĩnh vực kinh tế mũi nhọn của tỉnh; nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, đồng thời thu hút, trọng dụng nhân tài; tăng cường hợp tác quốc tế trong đào tạo.

- *Kết quả cần đạt được*: Thu hút từ 5-10 trường đại học hàng đầu cả nước đặt cơ sở tại tỉnh Ninh Bình; hình thành đội ngũ nhân lực chất lượng cao trong các lĩnh vực trọng điểm; nâng cao tỷ lệ lao động qua đào tạo, có kỹ năng cao; thu hút chuyên gia, nhân tài về làm việc tại tỉnh; tạo nền tảng vững chắc cho phát triển kinh tế số và đổi mới sáng tạo.

- *Cơ quan chủ trì*: Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh.

- *Cơ quan phối hợp*: Đảng ủy Sở Giáo dục và Đào tạo. Các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị, địa phương.

- *Thời gian thực hiện*: 2026 - 2030.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trách nhiệm của Thường trực Tỉnh ủy

1.1. Thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU và Kế hoạch này. Thường trực Tỉnh ủy trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo Ban Chỉ đạo; chỉ đạo các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy và các cấp ủy trực thuộc quán triệt, triển khai hiệu quả Nghị quyết số 06-NQ/TU và Kế hoạch này; định kỳ nghe Ban Chỉ đạo báo cáo về tiến độ, kết quả thực hiện và những vấn đề nổi cộm trong quá trình triển khai.

1.2. Chỉ đạo điều chỉnh, bổ sung mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp khi có sự thay đổi lớn về bối cảnh (chính sách, công nghệ, điều kiện kinh tế - xã hội); xem xét, cho ý kiến về cơ chế đặc thù, chính sách khuyến khích, cân đối nguồn lực đầu tư cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

1.3. Chỉ đạo các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy phối hợp với Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo kiểm tra, giám sát việc thực hiện; kịp thời xử lý các tập thể, cá nhân vi phạm hoặc chậm trễ trong thực hiện Kế hoạch.

1.4. Trực tiếp chỉ đạo việc khen thưởng, biểu dương điển hình, xử lý sai phạm (nếu có) trong quá trình triển khai.

2. Trách nhiệm của các cấp ủy đảng trực thuộc Tỉnh ủy

2.1. Xây dựng kế hoạch cụ thể, phù hợp với đặc thù của địa phương, đơn vị trên cơ sở kế hoạch chung; quán triệt Nghị quyết số 06-NQ/TU và kế hoạch này đến cán bộ, đảng viên, nhân dân.

2.2. Lãnh đạo, chỉ đạo chính quyền cùng cấp cụ thể hóa và tổ chức triển khai các nhiệm vụ, giải pháp phù hợp với địa bàn.

2.3. Xây dựng và hoàn thiện cơ chế khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức, đoàn viên, hội viên và doanh nghiệp tham gia tích cực vào các phong trào đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

3. Trách nhiệm của các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy

3.1. Văn phòng Tỉnh ủy: Thực hiện vai trò Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo; kiện toàn tổ chức bộ máy, bố trí nhân sự có trình độ, năng lực về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan liên quan để tổng hợp, theo dõi, kiểm tra tiến độ, báo cáo Ban Chỉ đạo theo quy chế làm việc của Tỉnh ủy và Ban Chỉ đạo; bảo đảm thông tin kịp thời, thông suốt.

3.2. Ban Tổ chức Tỉnh ủy chủ trì, tham mưu đề xuất các giải pháp về công tác cán bộ nhằm thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; đề xuất chủ trương bố trí, sử dụng đội ngũ cán bộ có trình độ chuyên môn về khoa học, kỹ thuật đảm nhiệm các chức vụ lãnh đạo, quản lý và tham gia cấp ủy các cấp. Đồng thời, tham mưu kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ trong hệ thống cơ quan đảng các cấp, bảo đảm đủ năng lực thực hiện nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; chú trọng xây

dựng và thực hiện hiệu quả chính sách thu hút, trọng dụng cán bộ có trình độ, năng lực về khoa học, kỹ thuật, công nghệ, tạo động lực thúc đẩy đổi mới sáng tạo.

3.3. Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thường xuyên đẩy mạnh tuyên truyền Nghị quyết số 57-NQ/TW, Nghị quyết số 06-NQ/TU, gắn với Kế hoạch này bằng các hình thức phù hợp.

4. Trách nhiệm của Hội đồng nhân dân tỉnh

4.1. Ban hành các cơ chế, chính sách thuộc thẩm quyền, bố trí nguồn lực để thực hiện phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh; tăng cường giám sát việc tổ chức thực hiện theo quy định.

4.2. Thực hiện chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh; tiếp nhận, xử lý ý kiến, kiến nghị của cử tri, đơn thư của tổ chức và công dân, gắn với cơ quan quản lý nhà nước và chính quyền địa phương xã, phường; theo dõi tình hình thực hiện các chuyên đề giám sát, các nghị quyết, kết luận tại các kỳ họp Hội đồng nhân dân.

5. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh

5.1. Căn cứ Nghị quyết số 06-NQ/TU và Kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, xây dựng và ban hành Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh cho phù hợp; xây dựng, ban hành các chương trình, kế hoạch, đề án, dự án triển khai cụ thể về: phát triển hạ tầng số, dữ liệu số; ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong các ngành, lĩnh vực; chuyển đổi số cho doanh nghiệp, nông nghiệp, du lịch, văn hóa, y tế, giáo dục; phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; phân kỳ thực hiện theo năm, giai đoạn 5 năm; phân bổ ngân sách, huy động nguồn lực xã hội, bảo đảm tính khả thi.

5.2. Tham mưu, đề xuất với Ban Chỉ đạo các giải pháp, cơ chế, chính sách đột phá cần sửa đổi hoặc ban hành mới, phục vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; thường xuyên báo cáo Ban Chỉ đạo về kết quả triển khai, các khó khăn, vướng mắc; kịp thời xin ý kiến chỉ đạo.

5.3. Chỉ đạo các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân xã, phường triển khai các nhiệm vụ, giải pháp theo chức năng, nhiệm vụ được giao; tổ chức kiểm tra, đôn đốc tiến độ và chất lượng thực hiện; xử lý, tháo gỡ các vướng mắc, bảo đảm đạt các mục tiêu, chỉ tiêu đề ra.

5.4. Đề xuất, ban hành các cơ chế, chính sách: thu hút đầu tư và nhân tài; khuyến khích doanh nghiệp nghiên cứu, phát triển, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; hỗ trợ chuyển đổi số trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa; ưu tiên ngân sách, khuyến khích đối tác công - tư, quỹ phát triển khoa học công nghệ và quỹ đầu tư mạo hiểm. Đồng thời, tạo môi trường thuận lợi về thủ tục hành chính và pháp lý để tổ chức, cá nhân yên tâm tham gia đầu tư, nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ.

6. Trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội

6.1. Phối hợp tuyên truyền, vận động hội viên, đoàn viên, doanh nghiệp và nhân dân hưởng ứng các chủ trương, chính sách, nhiệm vụ của Nghị quyết số 57-NQ/TW, Nghị quyết số 06-NQ/TU và Kế hoạch này.

6.2. Phát động phong trào thi đua sáng tạo, khởi nghiệp; tăng cường giám sát và tổ chức các hội nghị phản biện xã hội đối với các chính sách, dự án trọng điểm về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

6.3. Phát huy vai trò của Tổ Công nghệ số cộng đồng, Đoàn Thanh niên, các hội, hiệp hội; phối hợp với các doanh nghiệp công nghệ số tuyên truyền, hỗ trợ và hướng dẫn kỹ năng số cho tổ chức, doanh nghiệp, hộ kinh doanh và các đối tượng liên quan.

7. Trách nhiệm của Đảng ủy phường, xã

7.1. Có trách nhiệm tổ chức quán triệt đầy đủ, sâu sắc nội dung Nghị quyết số 06-NQ/TU và Kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về triển khai thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU về chiến lược đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, đến toàn thể cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và nhân dân trên địa bàn; bảo đảm mọi người hiểu rõ tầm quan trọng, ý nghĩa cũng như các mục tiêu và nhiệm vụ trọng tâm của Kế hoạch.

7.2. Cấp ủy xây dựng Kế hoạch dựa trên Kế hoạch này, phù hợp với điều kiện, đặc điểm và tiềm năng của địa phương; đồng thời lãnh đạo, chỉ đạo chính quyền, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân cùng tham gia thực hiện.

7.3. Gương mẫu đi đầu trong học tập, ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số; tuyên truyền, vận động nhân dân, tổ chức và cá nhân trên địa bàn tích cực tham gia vào quá trình chuyển đổi số, ứng dụng khoa học, công nghệ vào sản xuất và đời sống.

8. Cơ chế thông tin, báo cáo, sơ kết, tổng kết, giám sát, đánh giá và tuyên truyền

8.1. Công khai, minh bạch thông tin về các chương trình, chính sách hỗ trợ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; minh bạch quy trình phê duyệt, quản lý và sử dụng kinh phí; tạo cơ chế tự chủ hơn cho các tổ chức phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

8.2. Đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức cộng đồng về vai trò và kết quả của việc phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong phát triển kinh tế - xã hội, góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân.

8.3. Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy; Ủy ban nhân dân tỉnh; Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh định kỳ 6 tháng, hằng năm báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch với Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo để tổng hợp, báo cáo Thường trực Tỉnh ủy.

8.4. Tăng cường kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện các mục tiêu, yêu cầu, nhiệm vụ đã đề ra tại Kế hoạch, các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Định kỳ, Ban Chỉ đạo tổ chức kiểm tra liên ngành tại một số địa phương, đơn vị trọng điểm; sơ kết, đánh giá, rút kinh nghiệm; kịp thời có các điều chỉnh về cơ chế, chính sách, văn bản quy định, mục tiêu, giải pháp phù hợp với yêu cầu thực tiễn. Giữa và

cuối nhiệm kỳ hoặc theo chu kỳ 2,5 năm, tổ chức sơ kết, tổng kết theo giai đoạn trên phạm vi tỉnh; biểu dương, khen thưởng tập thể, cá nhân tiêu biểu, đồng thời đề xuất phương hướng cho giai đoạn tiếp theo.

9. Kinh phí thực hiện và nguồn lực hỗ trợ

9.1. Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bố trí từ ngân sách (chi cho hoạt động khoa học và công nghệ, phát triển chuyên đổi số...) và nguồn xã hội hóa (đóng góp của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân).

9.2. Khuyến khích các mô hình hợp tác công tư trong đầu tư hạ tầng số, trung tâm nghiên cứu, phát triển, trung tâm đổi mới sáng tạo.

9.3. Xây dựng cơ chế linh hoạt, minh bạch, công khai trong quản lý, sử dụng kinh phí; tăng cường kiểm tra, giám sát để tránh lãng phí, tiêu cực.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng,
 - Văn phòng Trung ương Đảng,
 - Đảng ủy Bộ Khoa học và Công nghệ,
 - Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy,
 - Các đồng chí Ủy viên BCH Đảng bộ tỉnh,
 - Các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh,
 - Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
 - Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.
- } (để b/c),

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ**



Trần Huy Tuấn

